

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc thời kỳ 1996 - 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1708/NN-KH/CV ngày 23 tháng 5 năm 1997 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư tại Công văn số 4544/HĐTD ngày 25 tháng 7 năm 1997.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc thời kỳ 1996 - 2010 với những nội dung chủ yếu sau:

I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG:

Phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc theo hướng:

- Khai thác hiệu quả các thế mạnh nông, lâm nghiệp, tài nguyên, khoáng sản, du lịch, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá, tăng nguồn thu ngân sách của từng địa phương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc;
- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, dưới sự quản lý của Nhà nước, đảm bảo cơ cấu kinh tế hợp lý, nhằm tạo ra thị trường ở các địa phương trong vùng gắn liền với thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Bảo tồn và phát huy truyền thống, bản sắc của các dân tộc, nâng cao nguồn lực và dân trí của đồng bào các dân tộc;
- Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với việc bảo đảm môi trường sinh thái. Bảo vệ và giữ gìn cảnh quan môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc nhằm hạn chế những thiệt hại do lũ lụt gây ra;

- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tăng cường an ninh quốc phòng trong vùng.

II. NHỮNG MỤC TIÊU CƠ BẢN

1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân từ nay đến năm 2000 là 9%, phấn đấu tăng lên 11% thời kỳ 2001 - 2010.

Phấn đấu đến năm 2000, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 230 USD và năm 2010 đạt khoảng 518 USD, với cơ cấu phát triển đến năm 2000 công nghiệp chiếm 35,4%, dịch vụ 23,9% nông nghiệp 29,9%, xây dựng chiếm 10,8% và đến năm 2010 công nghiệp đạt 40,7%; dịch vụ chiếm 31,2% nông lâm nghiệp chiếm 18% và xây dựng chiếm 10,1%.

Giá trị xuất khẩu bình quân đầu người thời kỳ 1996 - 2000 là 11,0 USD, thời kỳ 2001 -2010 là 64,0 USD.

Tới năm 2000 cơ bản xoá xong hộ đói và giảm xuống còn 10% hộ nghèo vào năm 2010.

2. Về xã hội: Bước đầu sắp xếp lại ổn định dân cư, giảm tỷ lệ tăng dân số xuống dưới 2,5% vào năm 2000 và dưới 2,2% vào năm 2010; phấn đấu đến năm 2010 có 70 - 80% dân số được dùng nước sạch, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng từ 42% hiện nay xuống còn 8% vào năm 2010; vào năm 2000, 80% dân số được nghe đài phát thanh quốc gia và 45% dân số được xem truyền hình; đến năm 2010, 100% dân số được nghe đài phát thanh quốc gia và 80% dân số được xem truyền hình Trung ương; xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, tiến tới phổ cập văn hoá cấp II và một phần cấp III cho người lao động dưới 35 tuổi ở thị xã, khu công nghiệp; phổ cập nghề cho người lao động để tạo nguồn nhân lực; đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; xoá bỏ các bệnh tật như bướu cổ, sốt rét và các tệ nạn xã hội.

3. Về môi trường:

Xây dựng hệ thống rừng phòng hộ; nâng độ che phủ chung lên 40% vào năm 2010; chống xói mòn, lũ lụt, hạn hán; bảo vệ môi trường về rừng, đất, nước.

4. Về an ninh quốc phòng:

Xây dựng hành lang biên giới, gắn việc củng cố, tăng cường an ninh quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGÀNH:

1. Về phát triển cơ sở hạ tầng:

Nâng cấp quốc lộ 6, trước mắt nâng cấp đoạn từ thị xã Hoà Bình đi thị xã Điện Biên - Lai Châu và các quốc lộ 37, 4D, 279, 12. Nâng cấp các trục đường tỉnh, đường huyết mạch quan trọng. Phát triển giao thông nông thôn, đến năm 2010 phấn đấu 100% số xã có điều kiện mở được đường ô tô thì mở đường vào trung tâm xã, những xã quá khó khăn thì mở đường để ngựa và xe thò có thể đi lại dễ dàng.

Cải tạo đường thủy, nâng cấp các cảng sông chuyên dùng như Vạn Yên, Tà Hộc, Sơn La.

Cải tạo và nâng cấp các sân bay hiện có.

Về bưu điện: Phát triển với tốc độ cao và hiện đại. Từ nay đến năm 2000 nâng cấp hệ thống truyền dẫn hiện có sang mạch số hoá, đủ dung lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc trong và ngoài vùng thuận lợi, chính xác.

Về lưới điện: đến năm 2010 phấn đấu 100% số xã có lưới điện quốc gia, kết hợp giữa phát triển lưới điện quốc gia với phát triển thủy điện vừa và nhỏ, cực nhỏ theo quy mô bản, hộ gia đình, phấn đấu đến năm 2010 có 70% số dân được dùng điện.

Về thủy lợi, cấp nước: Khôi phục nhanh rừng đầu nguồn, bảo vệ các nguồn nước trên các hồ, đầm, ao, sông, suối. Sửa chữa và xây dựng mới một số đập thủy lợi để chủ động nước tưới cho lúa, các cây công nghiệp, cây ăn quả, tiến tới 100% số dân đô thị và 70% số dân nông thôn được dùng nước sạch.

2. Về công nghiệp: Hướng phát triển mạnh vào các ngành chủ yếu như công nghiệp điện (thủy điện lớn, vừa và nhỏ); công nghiệp chế biến lâm sản, công nghiệp khai thác khoáng sản; công nghiệp vật liệu xây dựng; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tiểu thủ công nghiệp ở các khu đô thị và nông thôn. Cần nâng cấp cải tạo các xí nghiệp hiện có và từng bước xây dựng thêm các xí nghiệp mới theo hướng hiện đại hoá để sản phẩm có sức cạnh tranh, tạo thị trường tiêu thụ ổn định.

3. Về nông, lâm nghiệp:

Kết hợp giữa thâm canh tăng vụ và mở rộng diện tích. Tập trung vào thâm canh lúa nước, ngô giống mới, giảm dần diện tích nương rẫy; cây công nghiệp tập trung vào các loại như đậu tương, chè, cà phê, bông, dâu tằm. Chăn nuôi gia súc tập trung vào trâu, bò sữa, lợn. Trong lâm nghiệp: thực hiện giữ rừng, bảo vệ rừng hiện có và trồng rừng mới. Tận dụng các diện tích mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản, tạo việc làm cho người lao động.

4. Về thương mại và dịch vụ.

Phát triển các trung tâm thương mại ở các cửa khẩu, phát triển các chợ nông thôn ở cụm xã, củng cố thương nghiệp quốc doanh và khuyến khích các thành phần kinh tế khác trong các hoạt động thương nghiệp. Phát triển các dịch vụ như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm xã hội... để huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy tiềm năng du lịch sẵn có của từng địa phương, tôn tạo mở rộng các khu di tích lịch sử để thu hút ngày càng nhiều khách du lịch.

5. Về giáo dục - đào tạo: củng cố và phát triển thêm trường nội trú để thu hút con em các dân tộc ít người, nghiên cứu để thành lập trường Đại học đa ngành ở Sơn La, mở đại học tại chức và trường dạy nghề ở các tỉnh.

6. Về y tế: nâng cấp bệnh viện tỉnh, huyện, các trạm đa khoa khu vực và các trạm xá của các cơ quan, các xã. Tăng cường cán bộ y tế; thiết bị và dụng cụ y tế cho các huyện; tổ chức các đội y tế lưu động để đủ sức khám và chữa bệnh cho đồng bào.

7. Về văn hoá thể thao: Duy trì và bảo tồn văn hoá cổ truyền của các dân tộc, xây dựng văn hoá cộng đồng làng, bản, xã lành mạnh. Tổ chức phong trào thể dục, thể thao truyền thống, quần chúng, lựa chọn môn thể thao đặc thù của từng vùng để phát triển.

IV. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

Để thực hiện quy hoạch phải có hệ thống biện pháp đồng bộ nhằm huy động mọi nguồn lực trong nước và ngoài nước, các tỉnh vùng Tây Bắc phải thể hiện và cụ thể hoá các phương hướng phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của quy hoạch vùng và quy hoạch của từng tỉnh trong các kế hoạch 5 năm, hàng năm bằng các chương trình, các dự án cụ thể. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng (đặc biệt là giao thông), tiếp đến là đầu tư giáo dục nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết những vấn đề cấp bách trong lĩnh vực xã hội.

Cụ thể hoá các giải pháp về vốn, nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ và môi trường... bằng cơ chế chính sách phù hợp với từng tỉnh nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nêu trong quy hoạch.

Điều 2. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Bắc phải có kế hoạch, biện pháp cụ thể 5 năm và hàng năm để tổ chức chỉ đạo thực hiện các mục tiêu phát triển trên địa bàn lãnh thổ từng tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Bắc phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình và các dự án.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan thường xuyên nắm tình hình, theo dõi, nghiên cứu điều chỉnh nội dung quy hoạch này cho phù hợp với thực tiễn hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Đã ký)

Võ Văn Kiệt

